

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 24-4-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Thắng;

Ông Lê Thanh Hồng;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2023/TLST-DS ngày 11-10-2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: 266 – B, N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: thửa số 173, tờ bản đồ số 26, Đại Lộ B, tổ B, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Ngọc D1 – là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 08/2022/GUQ-PGDBB ngày 30 tháng 12 năm 2022)

- Bị đơn: Ông Cao Như H, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lương Kế N, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ A, ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương – là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 01/4/2024); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP S là bà Trần Ngọc D1 trình bày:

- Căn cứ hợp đồng tín dụng số 202226586672 ngày 20/4/2022, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202226586672-01 ngày 19/7/2022 được ký giữa ông Cao Như H và Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B1, Phòng G.

- Căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản số 227/2022 ngày 25/04/2022 được ký công chứng tại VPCC Bà Bàn giữa ông Cao Như H và Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B1, Phòng G.

Theo đó, Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B1, Phòng G cấp tín dụng cho ông Cao Như H số tiền 3.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh củi, gỗ, thời hạn vay 12 tháng trả vốn cuối kỳ, lãi suất 11%/năm.

Tài sản thế chấp hiện đang đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên là phần đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A760987, số vào sổ H03104 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Cao Văn K, bà Lê Thị B ngày 11/11/2008, cập nhật biến động “chuyển nhượng cho ông Cao Như H” ngày 12/4/2022.

Trong quá trình vay, từ ngày nhận nợ cuối cùng 07/10/2022 đến nay ông Cao Như H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 315.133.328 đồng (bao gồm 2.919.069 đồng vốn, 312.214.259 đồng lãi). Tính đến ngày 18/8/2023, ông Cao Như H còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền 3.100.257.200 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông Cao Như H vẫn không có thiện chí trả nợ tiếp cho ngân hàng. Do ông Cao Như H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 23/07/2023 Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B1 - Phòng G đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị quý Tòa xem xét giải quyết buộc ông Cao Như H thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 24/4/2024 là 3.559.728.208 đồng, trong đó nợ gốc là 2.997.080.931 đồng, lãi trọng hạn là 559.778.560 đồng, lãi quá hạn là 2.868.717 đồng.

Trường hợp ông Cao Như H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 760987, số vào sổ H03104 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Cao Văn K, bà Lê Thị B ngày 11/11/2008, cập nhật biến động “chuyển nhượng cho ông Cao Như H” ngày 12/4/2022 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Cao Như H đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có địa chỉ tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đã ký hợp đồng tín dụng số 202226586672 ngày 20/4/2022, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202226586672-01 ngày 19/7/2022 để vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh củi, gỗ. Tính đến ngày 07/10/2022, tổng số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 315.133.328 đồng nhưng sau đó thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, vi phạm cam kết đã ký giữa các bên. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán tiền tiền gốc và lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về việc xử lý tài sản đảm bảo: Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 227/2022 ngày 25/04/2022, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên giao kết có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng, mục đích và nội dung của các giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ các Điều 117, 288, 401, 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hợp đồng dân sự có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết nên buộc các bên phải thực hiện. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 760987, số vào sổ H03104 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Cao Văn K, bà Lê Thị B ngày 11/11/2008, cập nhật biến động “chuyển nhượng cho ông Cao Như H” ngày 12/4/2022 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Cao Như H.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền 2.000.000 đồng chi phí thẩm định để hoàn trả cho nguyên đơn.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 180, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, Điều 288, Điều 317, Điều 320, Điều 401, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ giao dịch bảo đảm;

Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Cao Như H.

Buộc ông Cao Như H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 202226586672 ngày 20/4/2022, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202226586672-01 ngày 19/7/2022 tổng số tiền là 3.559.728.208 đồng (ba tỷ năm trăm năm mươi chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm lẻ tám đồng), trong đó nợ gốc là 2.997.080.931 đồng, lãi trọng hạn là 559.778.560 đồng, lãi quá hạn là 2.868.717 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Cao Như H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 760987, số vào

số H03104 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Cao Văn K, bà Lê Thị B ngày 11/11/2008, cập nhật biến động “chuyển nhượng cho ông Cao Như H” ngày 12/4/2022 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Cao Như H đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Cao Như H phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Như H phải chịu án phí là 103.194.564 đồng (một trăm lẻ ba triệu một trăm chín mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng).

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 47.002.572 đồng (bốn mươi bảy triệu không trăm lẻ hai nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0010413 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Duy